

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	24,000 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.6%	8.6%	16.5%

	2024	
DT thuần	157	YoY ▲ 33.0 ▲ 26.0%
	tỷ VNĐ	

	2024	
LN gộp	85.7	YoY ▲ 33.9 ▲ 65.3%
	tỷ VNĐ	

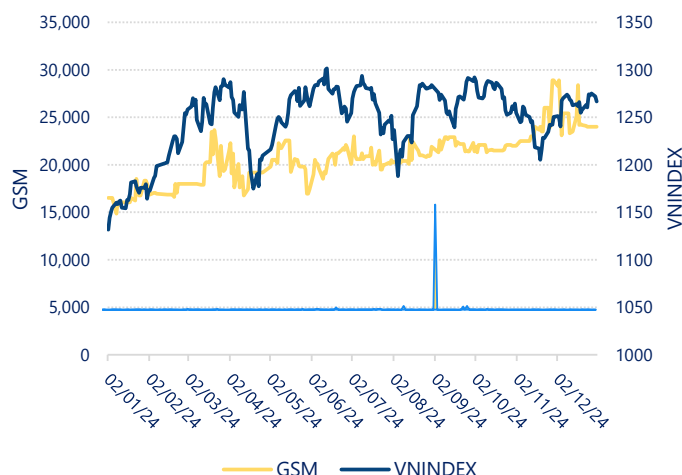
	2024	
LN thuần	73.8	YoY ▲ 35.4 ▲ 92.4%
	tỷ VNĐ	

	2024	
LN sau thuế	69.6	YoY ▲ 33.4 ▲ 92.1%
	tỷ VNĐ	

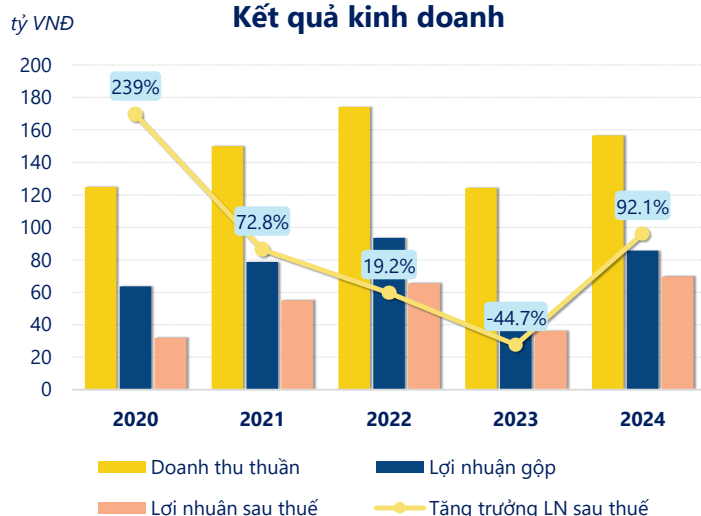
	2024	
ROE	13.9%	+/- YoY ▲ 6.5%

	2024	
ROA	9.3%	+/- YoY ▲ 4.2%

Lịch sử giá

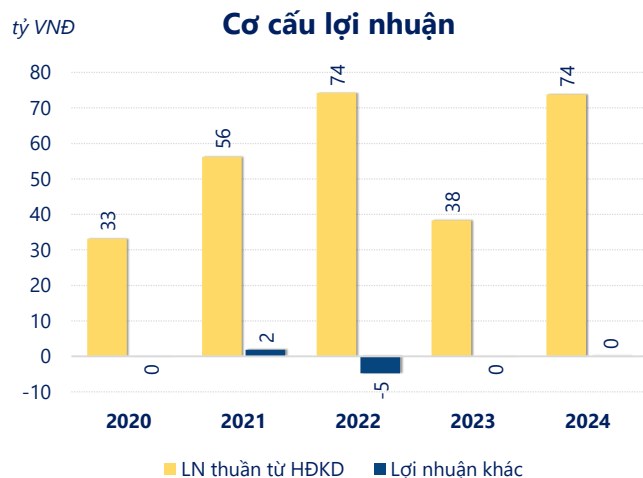
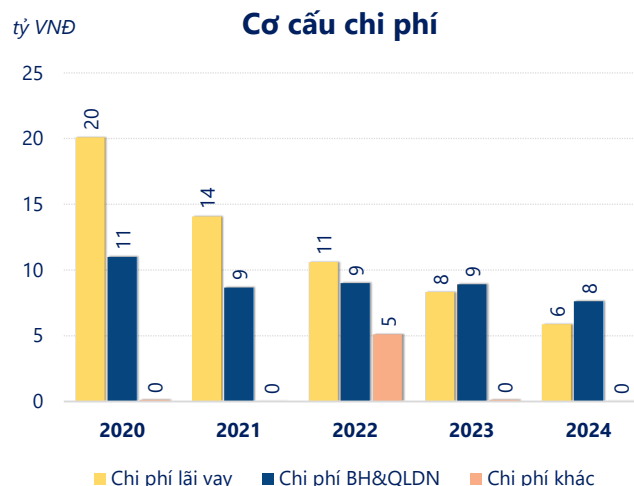


Kết quả kinh doanh



Năm **2024**, **GSM** ghi nhận doanh thu thuần **156.7** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **69.61** tỷ đồng, lần lượt **tăng 26.0%** và **tăng 92.1%** so với năm trước.

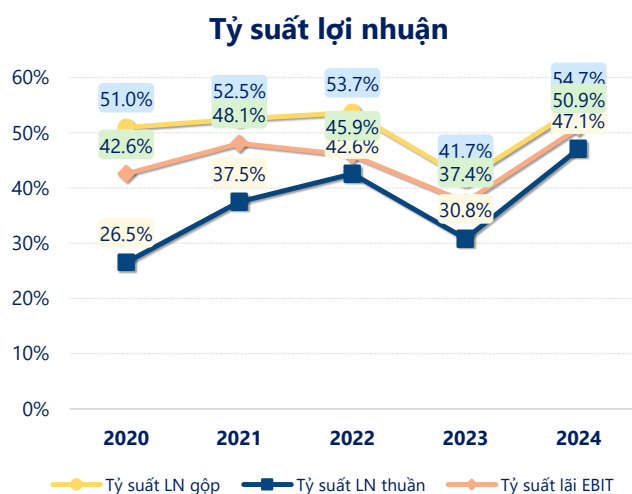
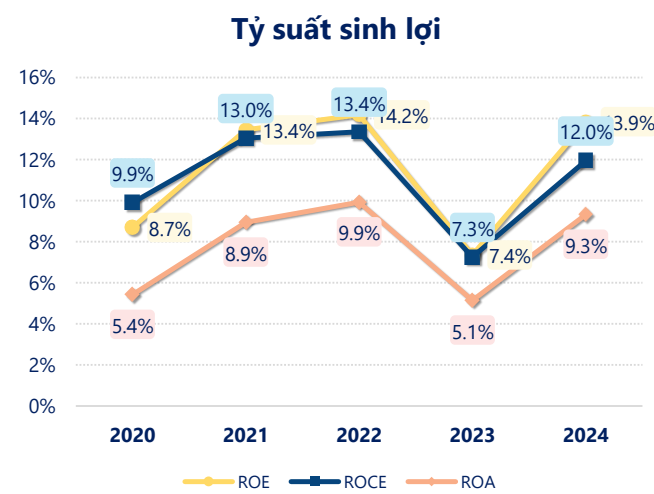
Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **13.9%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.



Năm **2024**, **GSM** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **73.77** tỷ đồng, **tăng lên 35.42** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (55.14 tỷ đồng) là 18.63 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **5.88** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **7.63** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.01** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

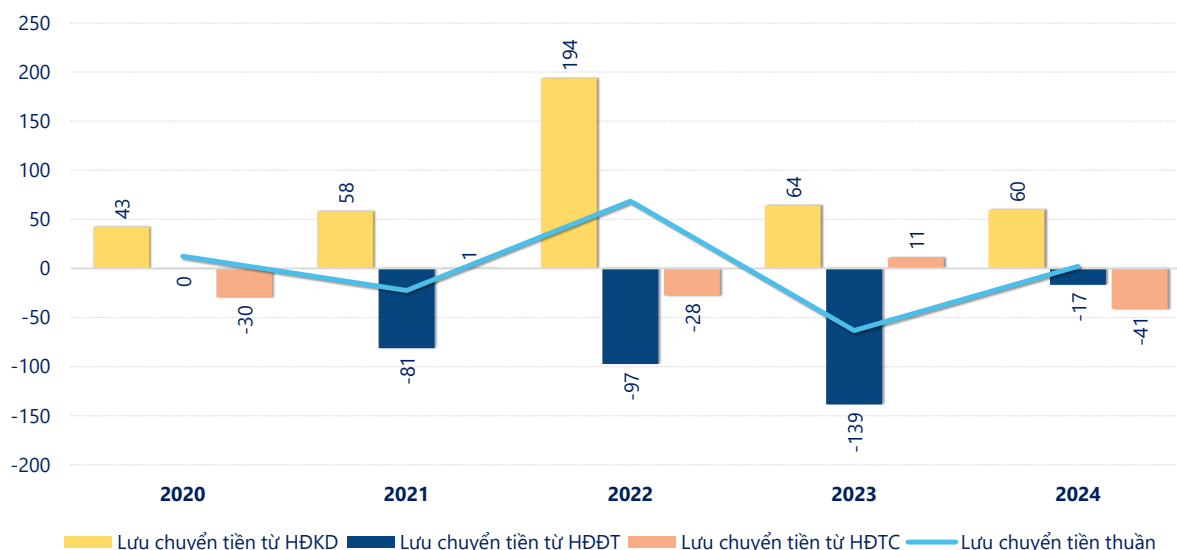
ROE của GSM năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **13.9%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	125	150	174	124	157
Giá vốn hàng bán	61.3	71.3	80.7	72.5	71.0
Lợi nhuận gộp	63.7	78.7	93.5	51.8	85.7
Doanh thu HĐTC	0.54	0.30	0.29	3.79	1.61
Chi phí TC	20.1	14.1	10.6	8.34	5.88
Chi phí lãi vay	20.1	14.1	10.6	8.34	5.88
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	11.0	8.67	9.00	8.92	7.63
LN thuần từ HĐKD	33.2	56.2	74.2	38.4	73.8
Lợi nhuận khác	-0.06	1.81	-4.79	-0.12	0.11
LN trước thuế	33.1	58.0	69.4	38.2	73.9
Lợi nhuận sau thuế	31.8	55.0	65.6	36.2	69.6
LNST của CĐ cty mẹ	31.8	55.0	65.6	36.2	69.6

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của GSM bằng **2.01** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-63.25 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **59.93** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-16.70** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-41.22** tỷ đồng.